TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2023/HNGĐ-ST
Ngày 31/8/2023
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Thanh Thu và ông Nguyễn Hà Giang

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh V Phúc, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên

Ngày 31/8/2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 65/2023/TLST-HNGĐ ngày 19/7/2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Anh T sinh năm 1968; địa chỉ thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Chị Phạm Thị Th sinh năm 1976; địa chỉ thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 26/6/2023, bản tự khai ngày 17/3/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh T trình bày: Anh T và chị Th tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND thị trấn Y ngày 12/4/1996 (hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất). Từ tháng 02/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; nay tình cảm vợ chồng không còn, nên anh T xin được ly hôn với chị Th. Về nuôi con, vợ chồng có 03 con là cháu Nguyễn Đức V sinh năm 1997, cháu Nguyễn A sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Chúc L sinh ngày 30/10/2007. Cháu V và cháu A đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu L giao cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trường thành đủ 18 tuổi; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th. Về tài sản, vợ chồng tự giải quyết với nhau, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Bản tự khai ngày 15/3/2022 và tại phiên tòa bị đơn là chị Th trình bày: Chị Th và anh T tự nguyện kết hôn với nhau, có đăng ký tại UBND thị trấn Yngày 12/4/1996 (hiện nay giấy chứng nhận đăng ký kết hôn đã bị mất). Từ tháng 02/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị Th đồng ý ly hôn với anh T. Về nuôi con, vợ chồng có 03 con là cháu Nguyễn Đức V sinh năm 1997, cháu Nguyễn A sinh năm 2003 và cháu Nguyễn Chúc L sinh ngày 30/10/2007. Cháu V và cháu A đã trưởng thành tự lập được cuộc sống, nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; còn cháu L giao cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trường thành đủ 18 tuổi; chị Th không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con cho chị Th và chị Th cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu L. Về tài sản, vợ chồng tự giải quyết với nhau, nên chị Th không yêu cầu Tòa án giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đúng thẩm quyền; xác định đúng quan hệ tranh chấp; xác định đúng tư cách đương sự; đã tiến hành thông báo, xác minh, mở phiên họp và thời hạn xét xử đúng quy định. Các đương sự đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của anh T, Tuyên xử:

- Cho anh Nguyễn Anh T ly hôn chị Phạm Thị Th.

- Giao cháu L sinh ngày 30/10/2007 cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trưởng thành tự lập được; anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th và có quyền thăm nom con chung.

- Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Về quan hệ pháp luật: Anh T khởi kiện "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" đối với chị Th, việc khởi kiện của anh T được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Th cư trú tại thị trấn Yên Ninh, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về yêu cầu ly hôn:

Về hôn nhân: Anh T và chị Th đều xác định vợ chồng tự nguyện kết hôn. Về đăng ký kết hôn thì anh T và chị Th không cung cấp được giấy đăng ký kết hôn giữa anh T và chị Th cho Tòa án với lý do đã bị mất; nhưng anh T và chị Th đều xác định vợ chồng có đăng ký kết hôn tại UBND xã Khánh Ninh vào năm 1996; tại biên bản xác minh ngày 25/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện Y, đại diện UBND thị trấn Ycung cấp "Sổ đăng ký kết hôn của thị trấn Yhiện còn lưu trữ từ năm 1977 cho đến nay, chỉ có các năm 1994, 1995 và 1996 thì không còn lưu trữ do bị thất lạc". Theo thông báo số định danh cá nhân do Công an thị trấn Ycấp thể hiện anh T và chị Th là vợ chồng; bản sao giấy khai sinh của cháu V đăng ký khai sinh ngày 12/4/1997 có ghi cha là Nguyễn Anh T và mẹ là Phạm Thị Th; tại thời điểm năm 1996 cả anh T và chị Th đều đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 5 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nên có đủ cơ sở khẳng định anh T và chị Th có đăng ký kết hôn vào năm 1996, nên hôn nhân giữa anh T và chị Th là hợp pháp.

Lý do ly hôn: Theo cả anh T và chị Th đều trình bày từ tháng 02/2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; nay tình cảm vợ chồng không còn nên cả anh T và chị Th đều tự nguyện ly hôn nhau.

Xét thấy, quan hệ tình cảm giữa anh T và chị Th trong thời gian qua đã phát sinh mâu thuẫn; việc anh T và chị Th ly hôn nhau là do hai bên tự nguyện; nên Tòa án chấp nhận cho anh T và chị Th ly hôn.

[3] Về nuôi con:

Anh T và chị Th có 03 con là cháu Nguyễn Đức V sinh năm 1997, cháu Nguyễn Asinh năm 2003 và cháu Nguyễn Chúc L sinh ngày 30/10/2007. Anh T và chị Th tự nguyện thỏa thuận cháu V và cháu Ađã trưởng thành tự lập được cuộc sống, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn cháu L giao cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trường thành đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con cho chị Th và chị Th cam đoan sẽ đảm bảo đầy đủ cho cuộc sống, sinh hoạt và học tập cho cháu L.

Việc thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng nuôi con giữa anh T và chị Th là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của cháu L là muốn được ở với chị Th, nên Tòa án chấp nhận thỏa thận trên giữa anh T và chi Th.

[4] Về tài sản: Cả anh T và chị Th đều trình bày, vợ chồng tự giải quyết với nhau, nên đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét giải quyết; vợ chồng không vay mượn ai tài sản gì.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh T là nguyên đơn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào các Điều 8, Điều 9, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5

Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Về hôn nhân: Cho anh Nguyễn Anh T ly hôn chị Phạm Thị Th.

2.2. Về nuôi con: Giao cháu Nguyễn Chúc L sinh ngày 30/10/2007 cho chị Th nuôi dưỡng cho đến khi cháu L trưởng thành đủ 18 tuổi. Anh T không phải cấp dưỡng nuôi cháu L cho chị Th.

Anh T có nghĩa vụ tôn trọng quyền của cháu L được sống chung với chị Th và anh T có quyền thăm nom, chăm sóc cháu L; chị Th không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc cháu L.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Anh T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, được trừ vào số tiến tạm ứng án phí anh T đã nộp là 300.000 đồng, theo biên lại thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005753 ngày 19/7/2023 của Chị cục Thi hành án dân sự huyện Y, anh T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

Bùi Văn Lực

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Ninh Bình
- VKSND huyện Y
- Chi cục THA
- UBND thi trấn Yên Ninh
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ